

Số: **19** /2021/TT-BCT

Hà Nội, ngày **23** tháng **11** năm 2021

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

Căn cứ Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

Thay thế Phụ lục 1 - Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 bằng Phụ lục 1 - Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **12** tháng **01** năm **2022**

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng thông tin của Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, CN.



Nguyễn Hồng Diên

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN
TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM
2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2021/TT-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2021
của Bộ Công Thương)

I. NGÀNH DỆT - MAY:

TT	Sản phẩm ưu tiên phát triển	Sản phẩm trong nước đã sản xuất được			
		Tên gọi	Mã HS		Mô tả
1	Xơ tổng hợp: PE, Viscose	Xơ polyester PSF	5503	20	00
2	Sợi dệt kim, sợi dệt thoi; sợi Polyester có độ bền cao, sợi Spandex, nylon có độ bền cao	Sợi	5205		Gồm các mã HS: 52053300, 52052200, 52054200, 52052300, 52054300, 52051200, 52051400, 52053200, 52051300, 52051100, 52052300, 52052400
		Sợi	5404		Gồm các mã HS: 54041900, 54041200
		Sợi polyester filament	5402	33	00
		Sợi	5509		Gồm các mã HS: 55091100, 55091200, 55092100, 55092200, 55095100, 55095300, 55096200
		Sợi	5510		Gồm các mã HS: 55101100, 55103000, 55101200
3	Vải: Vải kỹ thuật, vải không dệt, vải dệt kim, vải dệt thoi	Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông từ 85% trở lên, trọng lượng	5208		Gồm các mã HS: 52081100, 52081200, 52081300, 52081900

	không quá 200 g/m ²				
	Vải Jean các loại	5209	22	00	Vải dệt bằng nguyên liệu 100% cotton, cotton polyester, cotton polyester pandex... trọng lượng từ 7 đến 15 OZ, khổ vải 55 inches đến 63 inches, chỉ số sợi 6 đến 16 Ne
	Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông từ 85% trở lên, trọng lượng trên 200 g/m ²	5209			Gồm các mã HS: 52091100, 52091200
	Kate 65/35, 83/17	5210	11	00	
	Vải dệt thoi khác từ bông	5212			Bao gồm mã HS: 52121300, 52122300, 52129000
	Vải dệt polymer	5407	72	00	
	Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng không quá 170 g/m ²	5513			Bao gồm mã HS: 55132300, 55133100
	Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng trên 170 g/m	5514			Bao gồm mã HS: 55142100, 55142200
	Các loại vải dệt thoi khác từ xơ Staple tổng hợp, được pha duy nhất với xơ Visco rayon	5515	11	00	Vải may áo, may quần dệt vân chéo, vân điểm nhuộm màu

		Các loại vải dệt thoi khác từ xơ Staple tổng hợp, được pha duy nhất với len lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	5515	13	00	Vải may đồng phục, thời trang kiểu dệt vân điểm, vân chéo
		Các loại vải dệt thoi khác từ xơ Staple tổng hợp, được pha với len lông cừu và xơ Viscose rayon	5515	19	00	Vải may đồng phục, thời trang kiểu dệt vân điểm, vân chéo
		Vải bạt đã được xử lý	5901	90	20	
		Vải dệt đã được hồ cứng	5901	90	90	
		Vải được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng các vật liệu khác	5907	0	90	Vải dệt được tráng chống thấm
		Vải dệt kim từ bông	6006	22	00	Đã nhuộm
		Vải dệt kim	6812	80		Các loại
		Vải áo kimono	5007	20	90	Thêu theo mẫu
4	Chỉ may trong ngành dệt may	Chỉ xơ dừa	5308	10	00	Chỉ rối, chỉ suôn
		Chỉ khâu làm từ xơ staple tổng hợp	5508			
5	Phụ liệu ngành may: Cúc, mex, khóa kéo, băng chun	Nhãn dệt các loại	5807	10	00	
		Gòn, tằm trần gòn, gòn kim	5201	00	00	

II. NGÀNH DA - GIÀY:

TT	Sản phẩm ưu tiên phát triển	Sản phẩm trong nước đã sản xuất được			
		Tên gọi	Mã HS		Mô tả
1	Đế giày, mũi giày, dây giày	Dây giày cotton và polyeste	5609		
		Mũi giày và các bộ phận của chúng, trừ miếng lót bằng vật liệu cứng trong mũi giày	6406	10	
		Các bộ phận của giày, dép (kể cả mũi giày đã hoặc	6406		